

# LÝ LUẬN VỀ DÂN TỘC, TỘC NGƯỜI THEO QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

ThS. LÊ TUẤN VINH<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Dân tộc, tộc người cũng như giai cấp và quốc tế là những vấn đề được các nhà kinh điển Mác - Lênin dành vị trí rất quan trọng trong học thuyết của mình. Đứng trên lập trường chân chính của giai cấp vô sản, C.Mác, Ph.Ăngghen và sau này là V.I.Lênin đã kiên quyết chống lại đường lối dân tộc của giai cấp tư sản. Bằng tư duy và những trải nghiệm thực tiễn sâu sắc, các nhà kinh điển đã trực tiếp và gián tiếp đưa ra nhiều luận điểm quan trọng về dân tộc, tộc người và quản lý xã hội tộc người thiểu số. Trong thực hiện mục tiêu phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội nói chung, phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội tộc người thiểu số nói riêng tại Việt Nam hiện nay, những luận điểm này có ý nghĩa tham khảo đặc biệt quan trọng, cả trong phạm vi nghiên cứu khoa học cũng như trên bình diện đề xuất và hoạch định chính sách.

**Từ khóa:** chủ nghĩa Mác - Lênin; lý luận tộc người; tộc người

**1** Một số khái niệm  
 Dân tộc (nation) là khái niệm còn có khá nhiều tranh luận, chưa đồng nhất. Khi đề cập tới vấn đề này, phải nói tới định nghĩa nổi tiếng của Stalin, một trong những đề tài được tranh luận “đại đẳng nhất nhất của khoa học xã hội thế kỷ XX”<sup>(1)</sup>. Khái niệm dân tộc được Stalin nhắc tới lần đầu trong tác phẩm *Chí nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, sau đó nhắc lại trong tác phẩm *Vấn đề dân tộc và chủ nghĩa*

Lênin năm 1939: “Dân tộc là một khối người cộng đồng ổn định, được thành lập trong lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, lãnh thổ, sinh hoạt kinh tế và tâm lý, biểu hiện trong cộng đồng văn hóa”<sup>(2)</sup>. Những tranh luận xoay quanh khái niệm “dân tộc” của Stalin diễn ra gay gắt, dai dẳng, không đơn thuần về ý niệm học thuật, mà vì nó còn gắn liền với chính trị, đường lối và chính sách dân tộc của mỗi quốc gia. Về cơ bản, từ Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên Xô trở về trước, khái niệm “dân tộc” của Stalin có ảnh hưởng khá đậm nét, không chỉ trong phạm vi lãnh thổ Liên Xô, mà còn trong nhiều nước xã hội chủ nghĩa nói chung, Việt Nam nói riêng.

(\*) Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tuy nhiên, hiện nay, định nghĩa “dân tộc” của Stalin không còn phù hợp với thực tiễn phương Đông (được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh) và ở châu Âu. Cả trên phương diện lý luận thì định nghĩa của Stalin cũng không phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin<sup>(1)</sup>. Hiện nay, theo cách hiểu phổ biến, khái niệm *dân tộc* (hay dân tộc - quốc gia) là một cộng đồng chính trị - xã hội, được thiết lập trên lãnh thổ nhất định, được quản lý bởi nhà nước, có chung vận mệnh lịch sử, dùng chung tiếng nói/ngôn ngữ hành chính (từ trường hợp cá biệt), có chung sinh hoạt kinh tế hay thị trường và chung tính cách dân tộc thể hiện trong lối sống và những biểu tượng văn hóa, tạo nên đặc tính dân tộc.

Khái niệm *dân tộc* có quan hệ mật thiết với *tộc người* nhưng lại không đồng nhất. *Tộc người* hay còn gọi là cộng đồng tộc người, là khái niệm chỉ một cộng đồng người được hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định, cùng có chung đặc điểm tương đối bền vững về ngôn ngữ, văn hóa tạo thành *tinh cách tộc người* và đặc biệt là cùng có chung một *ý thức tự giác tộc người*, được thể hiện ở tên tự gọi. Một tộc người có thể bao gồm nhiều nhóm địa phương (*local group*), nhưng không nhất thiết phải có cùng một lãnh thổ, một cộng đồng sinh hoạt kinh tế; vì vậy, một tộc người có thể ở nhiều quốc gia khác nhau. Nhóm địa phương là một bộ phận của một tộc người nhất định, có kết với nhau thành một nhóm riêng, có một tên gọi riêng<sup>(2)</sup>.

Tộc người ra đời trước khi hình thành nhà nước - dân tộc, ban đầu có lãnh thổ tộc người, quản trị xã hội bằng tập tục và tín ngưỡng, quyền lực công cộng. Khi giai cấp ra đời, thủ lĩnh tộc người - liên tộc người trở thành lực lượng cai trị, lãnh thổ tộc người hoặc liên lãnh thổ tộc người trở thành quốc gia, tập tục và tín ngưỡng trở thành luật pháp, quyền lực xã hội trở thành quyền lực nhà nước. Từ đây, quan hệ tộc người đan xen với quan hệ giai cấp, quyền lực xã hội tộc người bị chế ước bởi quyền lực chính trị, thường do giai cấp thống trị của tộc người chủ thể chi phối. Có nhiều hình thái tộc người trong các nhà nước - dân tộc,

phổ biến vẫn là hình thái nhà nước - dân tộc đa tộc người. Ngoài ra, cá biệt cũng có những nhà nước - dân tộc đơn tộc người.

Khái niệm *tộc người thiểu số* (ethnic minorities) trong bài viết này mang hàm nghĩa *dân tộc thiểu số*. Khái niệm tộc người thiểu số để phân biệt với tộc người đa số, tiêu chí phổ dụng được đưa ra là *xem xét tỷ lệ dân số tộc người trong tỷ lệ dân số quốc gia*. Một tộc người chỉ được xem là thiểu số khi đặt dân số tộc người đó với tổng dân số cả nước, không xem xét ở phạm vi vùng hay địa phương. Bởi vì, một tộc người thiểu số nào đó (của cả nước) nhưng đặt trong phạm vi một địa phương nhất định đôi khi lại chiếm đa số<sup>(3)</sup>.

Khái niệm *vùng dân tộc thiểu số* hoặc *vùng tộc người thiểu số* thường chứa đựng ý nghĩa lịch sử hơn là thực tại. Các biến động theo thời gian của môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là chiến tranh, dẫn đến các xáo trộn cư trú, các cuộc di cư... Điều này làm cho bức tranh vùng tộc người trở nên vô cùng đa dạng, phức tạp. Tình trạng cư trú xen cài giữa các tộc người có tác động đa chiều tới nhiệm vụ phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Một mặt, nó tạo môi trường thuận lợi cho sự giao lưu văn hóa, nhưng mặt khác, cũng tạo ra những nét riêng biệt giữa các nhóm địa phương, khiến bức tranh văn hóa càng trở nên phức tạp hơn<sup>(4)</sup>.

## 2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về tộc người và phát triển xã hội các tộc người

Quan niệm về *phát triển xã hội* được thể hiện rõ trong quan niệm của C.Mác về bản chất con người, lao động, lịch sử toàn thể giới và sự ra đời của học thuyết về chủ nghĩa cộng sản. Ông khẳng định: “*Toàn bộ cái gọi là lịch sử toàn thể giới chẳng qua chỉ là sự sáng tạo con người kính qua lao động của con người, sự sinh thành của tự nhiên cho con người*”<sup>(5)</sup>. Như vậy, khi bàn về phát triển xã hội, C.Mác không bao giờ tách khỏi phát triển con người, trong mối quan hệ này phát triển xã hội là phát triển các hình thức, phương thức để phát triển con người và phát triển con người là mục đích của phát triển xã hội.

Dù đặt trọng tâm vào nghiên cứu các xã hội có nhà nước, nhưng đề bình dung về logic hình thành và phát triển của nhân loại, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập đến các xã hội tiền nhà nước, thậm chí cả những tộc người dã man. Đặc biệt, trong các nghiên cứu về xã hội ngoài phương Tây, dù mới chỉ đề cập một cách gian lược trong các bản thảo, sau đó được xuất bản với tiêu đề *Những hình thái kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa*, nhưng rất có ý nghĩa đối với khoa nghiên cứu nhân học. Ngoài ra, vấn đề các xã hội tiền nhà nước còn được trình bày rải rác trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, ở đó các ông đã chỉ ra *con đường chuyển từ tổ chức bộ lạc lên nhà nước, từ tính địa phương lên dân tộc*. Trong những nghiên cứu này, C.Mác đã chỉ ra rằng, trong các xã hội tiền nhà nước thì quan hệ thân tộc trong gia đình là cơ sở của mọi quan hệ xã hội. Khái niệm sở hữu đất đai không tồn tại và mỗi nhóm tạm thời khai thác một vùng đất trước khi chuyển sang vùng đất khác.

Lý luận của C.Mác về *ba con đường ra khỏi xã hội công xã nguyên thủy* rất có ý nghĩa khi xem xét quá trình chuyển sang xã hội văn minh theo lối đa tuyến của nhân loại. C.Mác khẳng định, trong các xã hội tiền nhà nước, phân công lao động chi giản đơn tuy thuộc vào tuổi và giới tính của từng thành viên trong cộng đồng. Mỗi cá nhân là một công cụ nỗ lực sản xuất của nhóm. Một phần sản phẩm làm ra được dành cho việc sản xuất trong tương lai và một phần được tiêu dùng ngay để nuôi sống gia đình. Khi năng suất lao động tăng lên, nhờ cải tiến công cụ sản xuất, của cải dư thừa xuất hiện, đã phá vỡ tính chất công hữu trước đó. Điều này dẫn tới các cộng đồng dân cư trước đó bình đẳng về phương diện xã hội, bình quân về phương diện phân phối kết quả sản xuất và các cơ hội khác, bị phân hóa thành thủ lĩnh và thường dân. Tùy theo những điều kiện ngẫu nhiên của địa lý và nhân khẩu mà hệ thống xã hội có thể biến đổi theo con đường này hay con đường kia để ra khỏi chế độ nguyên thủy<sup>(7)</sup>.

*Ba mô hình mà các tộc người thoát khỏi xã hội nguyên thủy để đến với xã hội có nhà nước là:*

phương thức sản xuất châu Á, Hy - La và Giéc-manh. Phương thức sản xuất châu Á mà C.Mác đề cập tiêu biểu là ở Ấn Độ thời kỳ tiền thuộc địa, được xem là phương thức ổn định nhất. Ở đó, cá nhân luôn gắn với cộng đồng của mình. Công xã vẫn là đơn vị tự cấp tự túc về nông nghiệp và sản xuất thủ công, có tất cả những phương tiện để tự sinh tồn và sản xuất một số lượng sản phẩm thặng dư. Nếu dân số gia tăng, một phần cư dân cộng đồng sẽ tách ra và thành lập làng mới với cùng cấu trúc như làng cũ. Những ông vua nuôi dưỡng hệ thống quản lý của mình bằng cách thu sản phẩm thặng dư dưới hình thức cống nạp, có thể sáp nhập những cộng đồng này vào hệ thống quản lý rộng lớn hơn. Sự ổn định của tổ chức cộng đồng theo phương thức sản xuất châu Á giúp phương thức này trường tồn, dù cho các triều đại có thay đổi. Tuy nhiên, C.Mác chưa có điều kiện khảo cứu những cộng đồng tộc người *nằm ngoài rìa các trung tâm quyền lực*, mà theo cách gọi của nhiều nhà nghiên cứu phương Tây sau này đó là *khu vực chủ quyền đa phương*<sup>(8)</sup>. Tại đây, trước khi có sự thôn tính của chủ nghĩa thực dân phương Tây vẫn duy trì các hình thức công xã nông thôn, các thủ lĩnh tộc người quản trị xã hội bằng luật tục, bằng tri thức bản địa và tôn giáo phi thế chế (tín ngưỡng), tư hữu chưa hoặc chỉ xuất hiện, sở hữu cộng đồng của ban/làng còn chiếm địa vị thống trị trong xã hội. Dưới tác động của các trung tâm quyền lực, nhất là chủ nghĩa thực dân, hệ thống quản lý xã hội và các tập tục, tín ngưỡng cũng như lãnh địa tộc người dần biến thể.

Lý luận của C.Mác về *động lực của sự phát triển xã hội* trong khả năng, bằng chính lao động của con người, về vai trò quan trọng của hệ thống xã hội kiểm soát sự tiếp cận của con người đối với nguồn tài nguyên, về tiến hóa xã hội là hệ quả của động lực nội sinh của xã hội hơn là sự thích ứng với môi trường,... có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ xem xét các xã hội có giai cấp và nhà nước, mà cả những xã hội tiền nhà nước hoặc tộc người thiểu số trong quốc gia đa tộc người.

V.I.Lênin trong quá trình lãnh đạo Cách mạng

Tháng Mười, tổ chức lại các dân tộc vẫn là thuộc địa của đế quốc Nga, đã nêu nhiều luận điểm có giá trị về mặt khoa học và thực tiễn. Liên bang Xô viết ra đời trên cơ sở xử lý những *tồn tại lịch sử* về quan hệ dân tộc đan gài với quan hệ tộc người giữa nước Nga và các nước thuộc đế quốc Nga trước đây. Trong rất nhiều tác phẩm quan trọng, như *Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc, Quyền dân tộc tự quyết, Chủ nghĩa xã hội và quyền dân tộc tự quyết, Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, Những kết quả thảo luận về quyền tự quyết...* V.I.Lênin đã nêu nhiều luận điểm quan trọng cho giải quyết *vấn đề dân tộc* đan gài với *vấn đề tộc người*. Ba luận điểm sau đây của V.I.Lênin có đóng góp lớn cho lý luận về dân tộc - tộc người và quan hệ dân tộc - tộc người.

- *Luận điểm về bình đẳng dân tộc*: Đây là luận điểm đặc biệt quan trọng và đóng góp lớn của V.I.Lênin vào *chủ thuyết phát triển dân tộc*, trở thành nguyên tắc của Liên bang Xô viết và nhiều nước xã hội chủ nghĩa trong giải quyết vấn đề dân tộc. Bình đẳng giữa các dân tộc theo quan niệm của V.I.Lênin phải được thể hiện trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa. V.I.Lênin cho rằng: người nào không thừa nhận và không bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc và bình đẳng giữa các ngôn ngữ, không đấu tranh chống áp bức hay mọi bất bình đẳng dân tộc, người đó không phải là người mác-xít, thậm chí cũng không phải là người dân chủ nữa<sup>(9)</sup>. Phải hoàn toàn xóa bỏ mọi đặc quyền của bất cứ dân tộc nào, cũng như của bất cứ ngôn ngữ nào và không dung thứ bất kỳ một đặc quyền dân tộc nào, sự bất bình đẳng nào về mặt dân tộc<sup>(10)</sup>. Trong các quyền bình đẳng dân tộc, V.I.Lênin rất chú ý đến bình đẳng về mặt văn hóa, trước nhất là quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ trong trường học, văn học, nhà hát, đồng thời các dân tộc thiểu số cũng phải học tiếng của dân tộc đa số.

- *Luận điểm về quyền tự quyết dân tộc*: Luận điểm này trở thành nguyên tắc quan trọng thứ hai trong cương lĩnh của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc. Trước đây, đế quốc Nga Sa hoàng là nhà tù lớn của rất nhiều dân tộc. Các dân tộc bị trị, bị

áp bức và bóc lột nặng nề, không được quyền quyết định vận mệnh của mình. Trong điều kiện như vậy, khẩu hiệu "*dân tộc tự quyết*" có sức lôi cuốn mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức vào trào lưu cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo.

Theo V.I.Lênin, "*Quyền dân tộc tự quyết*, nghĩa là quyền phân lập và thành lập quốc gia dân tộc riêng biệt"<sup>(11)</sup>. Tuy nhiên, theo V.I.Lênin, cần hiểu đúng đắn nguyên tắc quyền tự quyết dân tộc. Tự quyết dân tộc không có nghĩa là mọi dân tộc phải tách khỏi nước lớn trong mọi điều kiện. Người lưu ý, chúng ta đòi quyền tự do tự quyết chứ không phải là chúng ta mơ ước sự phân nhỏ kinh tế hay mơ ước xây dựng các nước nhỏ bé. Từ nguyên tắc này đã nảy sinh vấn đề xây dựng các *khu vực tự trị* - hình thức để giải quyết vấn đề dân tộc trong quốc gia đa tộc người. Khu vực tự trị được xây dựng trên vùng lãnh thổ nhất định, với thành phần đặc biệt của dân cư, do sự khác biệt về những điều kiện kinh tế, đời sống, ngôn ngữ, đặc trưng về văn hóa. V.I.Lênin cho rằng: "*Hoàn toàn hiểu là người ta không thể quan niệm một quốc gia hiện đại thật sự dân chủ mà lại không có quyền tự trị như thể cho mọi vùng có những đặc điểm dù là không lớn lắm về kinh tế hoặc về lối sinh sống, và có một thành phần dân tộc đặc biệt*"<sup>(12)</sup>. Luận đề này rất có ý nghĩa đối với việc tổ chức lãnh thổ ở những quốc gia có tộc thiểu số cư trú một cách riêng biệt, mật tập cao như Liên bang Xô viết hay Trung Quốc.

- *Luận điểm về đoàn kết công nhân tất cả các dân tộc lại*: Đây là sự liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, vì sự giải phóng dân tộc và xã hội. V.I.Lênin kiên trì nguyên tắc thống nhất giữa các nhiệm vụ dân tộc và quốc tế của giai cấp công nhân. Người khẳng định việc giải phóng khỏi ách tư bản, xây dựng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là nhiệm vụ quốc tế của tất cả những người vô sản và nhân dân lao động các nước. Khẳng định quan hệ mật thiết đến sự liên minh quốc tế và sự đoàn kết nhân dân lao động của các dân tộc trên thế giới, V.I.Lênin cho rằng: "*Nguyên tắc của chủ nghĩa tư sản là sự*

phát triển các dân tộc nói chung, do đó mà sinh ra đặc điểm của chủ nghĩa dân tộc tư sản, những cuộc xung đột dân tộc không lối thoát. Còn giai cấp vô sản thì không những không muốn bảo vệ sự phát triển dân tộc của mọi dân tộc, mà trái lại nó đề phòng cho quần chúng mắc những ảo tưởng như thế, nó chủ trương đề cho lưu tư bản chủ nghĩa được dự do đầy đủ nhất và hoan nghênh mọi sự đồng hóa dân tộc, trừ sự đồng hóa bằng bạo lực, hoặc dựa trên những đặc quyền<sup>(13)</sup>. Như vậy, trong so sánh của V.I.Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản thể hiện tính chất chung của những quyền lợi cơ bản và ý nguyện tiến bộ của nhân dân lao động của tất cả các dân tộc, xét về nguồn gốc và bản chất, nó đối lập với chủ nghĩa dân tộc tư sản vốn gây sự thù hằn, chia rẽ giữa các dân tộc.

### 3. Một số nhận xét

- Chủ nghĩa Mác ra đời trong thời đại tư bản chủ nghĩa. Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc hoàn toàn đối lập với quan điểm của các giai cấp bóc lột nói chung và giai cấp tư sản nói riêng, của các nhà nước nói chung và nhà nước tư sản nói riêng. Kế thừa và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác, V.I.Lênin đã đưa ra nhiều luận điểm về dân tộc, tộc người và quần lý phát triển xã hội dân tộc nói chung, cộng đồng dân tộc thiểu số nói riêng. Những luận điểm lý luận này có ý nghĩa tham khảo quan trọng trong nghiên cứu về tộc người và quản lý xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

- Vùng dân tộc thiểu số chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa, vô cùng giá trị phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiềm năng và cơ hội phát triển của vùng dân tộc thiểu số không chỉ mang ý nghĩa tự thân, mà còn cho phát triển đất nước. Nhiệm vụ phát triển và quản lý phát triển xã hội với mục tiêu phát triển bền vững liên/xuyên thế hệ thành công hay hạn chế, đều không thể thiếu sự tham gia của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Việc trở lại đầy đủ, đúng đắn những nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề tộc người và quản lý phát triển

xã hội vùng tộc người thiểu số là đặc biệt cần thiết, là cơ sở vững chắc cho công tác nghiên cứu và hoạch định đường lối, chính sách được thực hiện đúng hướng, khách quan, khoa học. Tuy nhiên, các luận đề về dân tộc của V.I.Lênin ra đời trong bối cảnh nước Nga đang phải giải quyết các di tồn lịch sử về ách áp bức dân tộc của đế quốc Nga, chủ yếu là vấn đề giữa dân tộc chính quốc và dân tộc thuộc địa. Vì vậy, nó có ý nghĩa chủ yếu về phương diện quan hệ dân tộc - quốc gia, dù trong đó có đan gài quan hệ tộc người. Xu hướng thức tỉnh tộc người hay tự quyết dân tộc của V.I.Lênin là hàm nghĩa dân tộc - quốc gia trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc. Điều này đã làm cho luận đề của V.I.Lênin có sức hấp dẫn đối với Hồ Chí Minh trên hành trình tìm đường cứu nước, giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Tuy nhiên, V.I.Lênin chưa có điều kiện nghiên cứu sâu đặc thù về quan hệ tộc người trong một quốc gia đa tộc người, nhất là quan hệ đa tộc người cư trú xen kẽ và phân tán như Việt Nam. Nếu nhầm lẫn những luận điểm trên về giải quyết quan hệ dân tộc với quan hệ tộc người trong quốc gia đa tộc người có lịch sử và hình thái cư trú đặc trưng như Việt Nam sẽ dẫn tới những hệ lụy khó đoán định, nhất là hành động tự quyết và tự trị dân tộc. Điều này đòi hỏi phải nhất quán quan điểm, hành động về sự vận dụng sáng tạo những lý luận này phù hợp với đặc điểm thực tiễn Việt Nam nói riêng và thực tiễn thế giới nói chung.

- Thế giới ngày nay đang biến đổi nhanh chóng bởi sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ, sự hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức, bởi cải cách - đổi mới đã trở thành một tất yếu phổ biến và hội nhập là đòi hỏi không thể khác. Thời cơ phát triển lớn đan xen cùng với thách thức nghiệt ngã trong phát triển. Nếu xử lý đúng, vượt được qua thách thức, nguy cơ thì đó lại sản sinh ra thời cơ mới. Ngược lại, nếu bỏ lỡ, đánh mất thời cơ thì nguy cơ hiện tồn sẽ gay gắt, mãnh liệt hơn, mà nguy cơ mới phát sinh cũng không kém phần dữ dội. Ngay trong

(tiếp theo trang 63)